

Bản án số: 125/2025/HS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn.

2. Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 và ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/HSST-QĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2025/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Tôn Nữ HP (tên gọi khác: Ty, Nguyễn Thị TT), sinh năm: 1970, tại: BD; hộ khẩu thường trú: Không; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Thất P (đã chết) và bà Phạm Thị U1 (đã chết); có chồng tên Huỳnh Văn I1 (đã ly hôn) và có 01 (một) con chung (sinh năm: 1997), đến năm 2011, chung sống và đăng ký kết hôn với Trần Kim Q (cũng là bị cáo trong vụ án) và chưa có con chung;

- Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/HSST ngày 25/9/2000, Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng xử phạt 10 (mười) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân” và 01 (một) năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội bị cáo phải chấp hành là 11 (mười một) năm tù. Sau đó, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 08/2001/PTHS ngày 11/01/2001, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm và bác kháng cáo của bị cáo; đến ngày 05/9/2008 chấp hành xong hình phạt

tù (nhưng chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự cho những người bị hại, theo đơn yêu cầu thi hành án của họ).

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2024/HSST ngày 04/6/2024, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 09/8/2024, Tòa án nhân dân thị xã HT (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10), tỉnh TN xử phạt 07 (bảy) năm tù, về tội “Cướp tài sản” và 05 (năm) năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành chung là 12 (mười hai) năm tù.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 225/2024/HS-ST ngày 20/12/2024, Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” {theo Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2024/HSST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh} và hình phạt 12 (mười hai) năm tù, về tội “Cướp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” {theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã HT (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10), tỉnh TN}; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2023.

- Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2023 trong một vụ án khác và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức (Z30D) – Bộ Công an {theo Quyết định thi hành hình phạt tù số 21/2025/QĐ-CA, ngày 24/01/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh}.

(Bị cáo có Đơn xin xét xử vắng mặt, vì lý do sức khỏe).

2. Trần Kim Q, sinh năm: 1969, tại: BÐ; hộ khẩu thường trú: Đường CQ, phường CL, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 1646A Đường VK, phường PÐ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe ô tô; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Kim O và bà Bùi Thị I2; chung sống như vợ chồng với Hồ Thị Yến U2 (sinh năm: 1972) và có 03 (ba) con chung, hai bên đã ly hôn; đến năm 2011, chung sống và đăng ký kết hôn với Nguyễn Thị TT (tức Tôn Nữ HP, cũng là bị cáo trong cùng vụ án) và chưa có con chung.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Bà Bùi Thị Hải Y, sinh năm: 1965; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 44 Đường KT, phường TL, tỉnh ĐL; chỗ ở: 1646A Đường VK, phường PÐ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt khi xét xử và vắng mặt khi tuyên án).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:* Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm: 1960; nơi cư trú: A11/4A đường 8, KP2, phường NP, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt khi xét xử và vắng mặt khi tuyên án).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Đỗ Minh H, sinh năm: 1974 – Luật sư của Văn phòng Luật sư HAS.

(Vắng mặt và phía bị hại đồng ý xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Kim Q và Tôn Nữ HP (tên gọi khác là Nguyễn Thị TT) có mối quan hệ là vợ chồng. Từ ngày 01/7/2022, Q và HP thuê căn hộ A, chung cư “DR”, địa chỉ: 1646A Đường VK, Phường M, Quận B (nay là phường PĐ, Thành phố Hồ Chí Minh) để ở. Trong thời gian này, HP đi phát tờ rơi quảng cáo dịch vụ làm đẹp thẩm mỹ tại căn hộ A của chung cư “DR” và bà Bùi Thị Hải Y (là cư dân ở tại chung cư trên) đến gặp HP làm đẹp tại căn hộ Q và HP thuê, nên Q và bà Y quen biết nhau. Ngày 15/9/2022, bà Y đi công việc ở khu vực quận Bình Tân thì HP gọi điện cho bà Y về căn hộ để HP làm đẹp cho bà Y. Lúc này, bà Y nói với HP có người vừa chuyển cho bà Y số tiền 174.000.000 đồng thì HP nhiều lần gọi điện cho bà Y về căn hộ để làm đẹp và hỏi mượn bà Y số tiền 10.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày 15/9/2022, bà Y về đến căn hộ của mình tại A16.09 chung cư “DR” thì HP đến đưa cho bà Y 05 viên thuốc giảm đau, trong đó có loại thuốc Senduxen (là thuốc an thần, gây ngủ) và yêu cầu bà Y uống trước khi HP làm đẹp cho bà Y (HP nói làm như vậy để dễ trị vết sẹo trên mặt của bà Y). Tuy nhiên, mục đích của HP cho bà Y uống loại thuốc trên là nhằm làm cho bà Y ngủ mê man để dễ dàng chiếm đoạt tài sản của bà Y. Bà Y uống thuốc xong và sử dụng điện thoại di động Redmi màu đen chuyển số tiền 10.000.000 đồng qua ứng dụng internetbanking cho HP mượn, nhưng không chuyển được; nên HP và bà Y đi xuống trụ ATM của Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (TPBank) tại sân chung cư “DR” để rút tiền, nhưng không rút được. Trong lúc bà Y rút tiền, HP để ý bà Y bấm mật khẩu ở bàn phím trụ ATM, nên nhớ và ghi lại vào tờ giấy (không thu hồi được) để sau đó, HP đưa lại cho Q. Một lúc sau, bà Y ngất thuốc, có biểu hiện mệt mỏi và buồn ngủ. Thấy vậy, HP điện thoại kêu Q sử dụng xe ô tô biển số 51H-879.85 (xe Q thuê trước đó của Công ty “GK”, để chở khách) và Q chở HP cùng bà Y đi rút tiền. Q điều khiển xe ô tô trên chở HP và bà Y đi tìm trụ ATM của các ngân hàng để rút tiền, trên đường đi bà Y nói buồn ngủ, nên Q chở HP và bà Y quay về chung cư trên. HP đưa bà Y vào thang máy lên căn hộ (thẻ ATM và điện thoại của bà Y để lại trên xe), còn Q tiếp tục chạy xe đi tìm trụ ATM rút tiền thì HP gọi điện nói với Q là bà Y nói “Trong thẻ ATM có một trăm mấy chục triệu”. Do đó, HP nói Q rút hết tiền trong thẻ của bà Y rồi bỏ trốn thì Q đồng ý. Thực hiện ý định trên, Q điều khiển xe ô tô chở HP đi đến trụ ATM của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank), số 01 Lý Thường Kiệt, Phường 7, quận Tân Bình (nay là phường Tân Sơn Nhất), Thành phố Hồ Chí Minh để rút tiền. Q vào rút 02 lần, nhưng do khác ngân hàng, nên chỉ rút tổng cộng được 5.000.000 đồng. Q tiếp tục chở HP đến trụ ATM của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) tại số 15-17-19 Trường Chinh, Phường 11, quận Tân Bình (nay là phường Bảy Hiền) rút thêm 19 lần, mỗi

lần 5.000.000 đồng (tổng cộng 95.000.000 đồng) thì đến giới hạn rút tiền trong ngày. Sau đó, Q chở HP chạy lòng vòng ngoài đường để tìm chỗ nghỉ ngơi. Trong thời gian này, HP nhắn tin cho chủ nhà A chung cư “DR” (mà HP và Q thuê đang thuê ở) để trả lại nhà.

Đến khoảng 07 giờ, ngày 16/9/2022, Q chở HP quay lại trụ ATM của Vietcombank tại số 15-17-19 Trường Chinh, Phường 11, quận Tân Bình tiếp tục rút tiền gồm 14 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng và 02 lần sau mỗi lần 2.000.000 đồng (tổng cộng 74.000.000 đồng). Như vậy, tổng cộng Q rút trong thẻ ATM của bà Y số tiền 174.000.000 đồng, toàn bộ số tiền trên Q đưa hết cho HP cất giữ.

Đến khoảng 00 giờ, ngày 16/9/2022, bà Y tỉnh lại và kiểm tra tại căn hộ của mình thì phát hiện mất thẻ ATM của Vietcombank và 01 điện thoại di động hiệu Redmi. Bà Y nghi vấn Q và HP đã lấy, nên nhiều lần lên căn hộ A chung cư “DR” tìm vợ chồng HP và Q, nhưng không được. Đến 07 giờ ngày 16/9/2022, bà Y liên hệ Vietcombank - Chi nhánh Lê Hồng Phong, Quận 5 thì biết số tiền 174.000.000 đồng trong số tài khoản 5555588688 của bà Y đã bị mất, nên bà Y đến Công an Phường M, Quận B (nay là phường PĐ) trình báo. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B điều tra, làm rõ.

Sau khi chiếm đoạt tài sản, Q chở HP đi NT chơi thì lúc này chủ cho thuê xe ô tô biển số 51H-879.85 gọi điện thoại kêu Q trả lại xe, nên Q quay về Công ty “GK”, địa chỉ: 766 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12 (nay là phường Trung Mỹ Tây), Thành phố Hồ Chí Minh trả lại xe. Lúc này, HP đứng bên ngoài, còn Q điều khiển xe ô tô trên vào trả thì bị Công an Phường M, Quận B mời về trụ sở làm việc. Tại đây, Q khai nhận hành vi cùng với HP cho bà Y uống thuốc ngủ làm bà Y ngủ mê để chiếm đoạt tài sản của bà Y tiêu xài, riêng HP bỏ trốn. Đến ngày 24/9/2023, HP bị Công an thị xã HT, tỉnh TN bắt giữ về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Vụ việc được thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B để phối hợp điều tra.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Kim Q và Tôn Nữ HP đều khai nhận cho bà Bùi Thị Hải Y uống thuốc để cho bà Y ngủ mê, rồi chiếm đoạt số tiền 174.000.000 đồng của bà Y để tiêu xài. Sau khi đưa bà Y lên chung cư, bà Y có để lại 01 điện thoại di động (không rõ hiệu) trên xe ô tô của Q, nên HP và Q sợ bà Y gọi nên đã vứt bỏ điện thoại trên (không nhớ địa điểm). Số tiền 174.000.000 đồng, Q và HP trên đường đi đã tiêu xài chung hết 121.000.000 đồng, còn lại 53.000.000 đồng, HP đưa Q 5.000.000 đồng, còn 48.000.000 đồng thì HP giữ lại và tiêu xài hết. Số tiền 5.000.000 đồng khi bị bắt, Q giao nộp cho Công an Phường M, Quận B. Lời khai của HP và Q phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ.

Ngoài ra, HP và Q còn khai nhận: HP không có bằng cấp hay giấy phép để làm dịch vụ thẩm mỹ như chăm sóc da, làm đẹp ngoại hình, sửa mắt, nâng mũi,... nhưng HP có thể làm đẹp được cho người khác. HP mua 02 bằng gồm: 01 bằng bác sĩ khoa thẩm mỹ Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh tên Nguyễn Thị Thanh HP và 01 bằng dược sĩ Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh tên Nguyễn Thị Thanh HP qua mạng xã hội, với giá 4.000.000 đồng. Do thời gian đã lâu, nên HP không còn nhớ mua ở trang nào, thời gian mua và Q hoàn toàn không biết việc HP sử dụng bằng giả vì đến năm 2011, HP mới kết hôn với Q. Đối với 02 bằng cấp nêu trên, khi HP và Q dọn nhà đã bị thất lạc mất. HP thỏa thuận làm đẹp cho bà Y nhiều đợt, nhưng không nhớ rõ số tiền làm đẹp là bao nhiêu.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- 01 USB do bà Bùi Thị Hải Y giao nộp bên trong có hình ảnh của bà Y, Q và HP tại chung cư “DR” ngày 15/9/2022.

- 01 USB do anh Dương Phúc Trung (nhân viên Vietcombank) giao nộp chứa hình ảnh Q rút tiền tại trụ ATM Vietcombank.

- 01 thẻ Vietinbank do Trần Kim Q đứng tên.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Trần Kim Q (có dùng vào việc phạm tội).

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone bị bể nát màn hình của Trần Kim Q (không dùng vào việc phạm tội).

- Số tiền 5.000.000 đồng do Trần Kim Q giao nộp (là số tiền còn lại mà Q và HP đã chiếm đoạt trước đó của bà Y).

- Riêng 01 điện thoại di động của bà Y và 01 điện thoại di động của bị cáo HP (dùng liên lạc với bà Y để làm đẹp và liên hệ với Q để thực hiện hành vi phạm tội) thì không thu hồi được.

Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, phía bà Y không có yêu cầu giải quyết trong vụ án (hai bên sẽ tự giải quyết).

Đối với việc Tôn Nữ HP khai có sử dụng bằng cấp giả và thỏa thuận với bà Bùi Thị Hải Y để HP làm đẹp cho bà Y (không thu giữ được bằng cấp trên để giám định) và chưa đủ cơ sở pháp lý để xử lý HP về các hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xử lý.

* Bản cáo trạng số 42/CT-VKS-HS ngày 21/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

1/ Tôn Nữ HP về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại các điểm: d, đ, h Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

2/ Trần Kim Q về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại các điểm: d, đ Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo: Tôn Nữ HP, Trần Kim Q và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng các điểm: d, đ, h Khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Tôn Nữ HP mức án từ 11 năm tù đến 12 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 16 năm tù {theo Bản án hình sự sơ thẩm số 225/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh}; buộc bị cáo HP chấp hành hình phạt tù chung theo quy định của pháp luật.

2/ Áp dụng các điểm: d, đ Khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Trần Kim Q mức án từ 09 năm tù đến 10 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo (do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và khó thi hành).

- Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết (do bị hại không yêu cầu giải quyết).

- Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại 5.000.000 đồng cho bị hại Yến (vì là tài sản của bị hại bị chiếm đoạt còn lại);

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ Vietinbank của bị cáo Q (vì bị cáo không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng).

+ Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án 02 USB lưu giữ hình ảnh có liên quan đến vụ án.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại di động hiệu Samsung đã thu giữ của bị cáo Q (vì dùng vào việc phạm tội).

+ Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone đã bị bể nát màn hình của Trần Kim Q (do không dùng vào việc phạm tội).

* Bị cáo Trần Kim Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện cùng với bị cáo Tôn Nữ HP như Cáo trạng đã truy tố; bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa mà chỉ đề nghị được giảm nhẹ hình phạt để được sớm về với gia đình, chăm sóc cha mẹ già yếu, hiện đang bị bệnh nặng.

* Bị cáo Tôn Nữ HP xin vắng mặt tại phiên tòa và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện cùng với bị cáo Trần Kim Q (mà bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra).

* Bị hại và người đại diện theo ủy quyền cùng thống nhất với Cáo trạng truy tố các bị cáo (Tôn Nữ HP, Trần Kim Q) và không có ý kiến gì khác; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Phía bị hại xác nhận đã nhận số tiền 30.000.000 đồng từ gia đình của bị cáo Trần Kim Q nhằm khắc phục một phần hậu quả của vụ án đã gây ra cho bị hại. Đồng thời, bị hại không có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này đối với phần trách nhiệm dân sự còn lại (các bên sẽ tự giải quyết với nhau).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa và phía bị hại đồng ý xét xử vắng mặt, không yêu cầu sự có mặt của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; đồng thời bị hại xác định sẽ tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật; nêu yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

- Bị cáo Tôn Nữ HP có Đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vì lý do sức khỏe, đường xa và đi lại khó khăn.

Xét thấy lời đề nghị của bị cáo Tôn Nữ HP và phía bị hại là phù hợp theo quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và bị hại theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290, Điều 84 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát, của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét, ngày 15/9/2022, bị cáo Tôn Nữ HP đã có hành vi chuẩn bị thuốc Senduxen (là loại thuốc được sử dụng trong y học có tác dụng an thần, gây ngủ sâu) cho bà Bùi Thị Hải Y uống trong lúc làm đẹp cho bà Y tại căn hộ của bà Y (căn hộ A16.09 chung cư DR, số 1646A Đường VK, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là căn hộ A16.09 chung cư DR, số 1646A Đường VK, phường PĐ, Thành phố Hồ Chí Minh) để làm cho bà Y ngủ mê man, mất kiểm soát ý thức, tinh thần không còn minh mẫn, sáng suốt; sau đó HP và Q chiếm đoạt thẻ ATM của bà Y rồi đến trụ ATM của Vietinbank, số 01 Lý Thường Kiệt, Phường 7, quận Tân Bình (nay là phường Tân Sơn Nhất), Thành phố Hồ Chí Minh và Vietcombank, địa chỉ 15-17-19 Trường Chinh, Phường 11, quận Tân Bình (nay là phường Bảy Hiền), Thành phố Hồ Chí Minh rút tiền và chiếm đoạt tổng cộng số tiền là 174.000.000 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu đồng) và 01 (một) chiếc điện thoại di động Redmi (không thu hồi được, nên không có cơ sở định giá) của bà Bùi Thị Hải Y. Sau khi chiếm đoạt tài sản của bà Y, cả hai cùng bỏ trốn khỏi hiện trường. Sau đó, ngày 27/9/2022, bị cáo Trần Kim Q đã bị cơ quan Công an bắt và đến ngày 24/9/2023, bị cáo Tôn Nữ HP cũng đã bị cơ quan Công an bắt trong vụ án khác (khi HP thực hiện hành vi phạm tội tại địa bàn tỉnh TN).

Các bị cáo đã cùng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện đối với bị hại Bùi Thị Hải Y như nêu trên.

Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo (Tôn Nữ HP, Trần Kim Q) thuộc trường hợp “sử dụng thủ đoạn nguy hiểm khác” và “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”. Ngoài ra, trong lần phạm tội này của bị cáo Tôn Nữ HP còn thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Đây là các tình tiết được quy định tại các điểm: d, đ, h Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận:

1/ Bị cáo Tôn Nữ HP đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm: d, đ, h Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2/ Bị cáo Trần Kim Q đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm: d, đ Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; nên cần phải xét xử các bị cáo thật nghiêm khắc, cần phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định để các bị cáo nhận thức được một cách đầy đủ, toàn diện về hành vi sai phạm và sửa chữa, tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội, tôn trọng và chấp hành pháp luật, cũng như các quy tắc ứng xử trong cuộc sống, xã hội.

[5] Về tính đồng phạm: Trong vụ án này, bị cáo Tôn Nữ HP giữ vai trò chính, bị cáo Trần Kim Q với vai trò giúp sức tích cực; nên Hội đồng xét xử cần cân nhắc về tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; gia đình bị cáo Trần Kim Q đã khắc phục một phần hậu quả của vụ án cho bị hại; một phần tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi; tại tòa, bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[8] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo (Tôn Nữ HP, Trần Kim Q), cũng như quan điểm luận tội và mức án mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật.

[9] Ý kiến đề nghị tại phiên tòa của bị cáo Trần Kim Q, cũng như ý kiến đề nghị của phía bị hại về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có cơ sở pháp luật như Hội đồng xét xử đã phân tích nêu trên.

[10] Lập luận trên đây cũng là để chấp nhận quan điểm luận tội và lời đề nghị của Kiểm sát viên, cũng như ý kiến của bị cáo và của phía bị hại về việc đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho các bị cáo.

[11] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của bị cáo thì hiện tại các bị cáo không có tài sản, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên miễn phần hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho các bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường số tiền 30.000.000 đồng và phần còn lại thì không có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này (các bên tự giải quyết với nhau), nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[13] Về xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật bị tạm giữ:

- 02 (hai) USB bên trong chứa dữ liệu hình ảnh có liên quan đến vụ án, nên cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEI1: 351022370409236/01, IMEI2: 351693300409239/01 (thu giữ của bị cáo Trần Kim Q): Là tài sản hợp pháp của bị cáo Q đã sử dụng vào việc phạm tội và hiện có giá trị sử dụng; nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số IMEI: 354448069480880 đã bị bể nát màn hình (thu giữ của bị cáo Trần Kim Q): Là tài sản hợp pháp của bị cáo Q và không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo Q.

- 01 (một) thẻ ATM EPartner ngân hàng Vietinbank, mang tên Trần Kim Q: Là tài sản hợp pháp của bị cáo Q và bị cáo không có yêu cầu nhận lại (vì không còn giá trị sử dụng); nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo Trần Kim Q giao nộp: Đây là số tiền còn lại trong tổng số tiền mà bị cáo Q và bị cáo HP đã chiếm đoạt của bị hại Yến, nên cần trả lại cho bà Y.

- Các vật chứng khác có liên quan đến vụ án, nhưng không thu hồi được, nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[14] Đối với việc Tôn Nữ HP khai nhận có mua bằng cấp giả và thỏa thuận với bà Bùi Thị Hải Y để HP làm đẹp cho bà Y (không thu giữ được bằng cấp trên để giám định) và Trần Kim Q khai nhận không biết bằng cấp của HP là giả, Q chỉ phụ giúp HP trong quá trình HP làm đẹp cho bà Y, việc thỏa thuận làm đẹp giữa HP và bà Y cụ thể như thế nào thì Q không rõ hết. Do chưa đủ cơ sở pháp lý để xử lý HP, Q về các hành vi: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xử lý.

[15] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290, Điều 84 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Quyết định xét xử vắng mặt: Bị cáo Tôn Nữ HP, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (ông Đỗ Minh H).

- Căn cứ vào các điểm: d, đ, h Khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: 1/ Bị cáo Tôn Nữ HP 11 (mười một) năm tù, về tội “Cướp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt 16 (mười sáu) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 225/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh;

Buộc bị cáo Tôn Nữ HP phải chấp hành hình phạt tù chung của nhiều bản án là 27 (hai mươi bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2023 {hiện nay bị cáo đang chấp

hành án hình phạt tù tại Trại giam Thủ Đức (Z30D) – Bộ Công an, theo Quyết định thi hành hình phạt tù số 21/2025/QĐ-CA, ngày 24/01/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh}.

- Căn cứ các điểm: d, đ Khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: 2/ Bị cáo Trần Kim Q 09 (chín) năm tù, về tội “Cướp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Tôn Nữ HP và bị cáo Trần Kim Q.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bà Bùi Thị Hải Y (bị hại trong vụ án) đã nhận số tiền khắc phục một phần hậu quả của vụ án từ gia đình của bị cáo Trần Kim Q là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và không có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này đối với số tiền còn lại (các bên sẽ tự giải quyết riêng).

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu và nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEI1: 351022370409236/01, IMEI2: 351693300409239/01.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Kim Q 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số IMEI: 354448069480880 đã bị bể nát màn hình.

+ Trả lại cho bị hại (bà Bùi Thị Hải Y) số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ ATM EPartner ngân hàng Vietinbank, mang tên Trần Kim Q.

{Theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 14/3/2023, tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10), Thành phố Hồ Chí Minh}.

+ Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án 02 (hai) USB.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Tôn Nữ HP, Trần Kim Q; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Phòng Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ nhận Bản án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PV06 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV10 - TP.HCM;
- Phòng THADSKV10-TP.HCM;
- CQCSĐT CA TP.HCM;
- CQTHAHS CA TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - CA TP.HCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng Trú